TƯ TƯỞNG LOGIC HỌC CỦA THOMAS HOBBE

NGUYỄN GIA THƠ(*)

Thomas Hobbes (1588 - 1679) - nhà triết học, logic học nổi tiếng người Anh, là người đã tiếp tục đường lối F. Bacon trong triết học Anh và sáng tạo ra hệ thống triết học duy vật máy móc. Trong logic học, nếu F. Bacon phát triển tiếp logic học Epicure-Démocrite, thì Hobbes làm sống lại và phát triển logic học duy danh của những người khắc kỷ.

Tác phẩm triết học nổi bật của Hobbes là "Những cơ sở của triết học", gồm ba phần: "Về vật thể", "Về con người" và "Về công dân". Trong bài viết này, chúng tôi đặc biệt chú ý đến phần "Về vật thể" (xuất bản năm 1855) có tên gọi "logic học". Phần này có tất cả sáu chương: chương 1 - về triết học, chương 2 - về danh từ/tên; chương 3 - về câu; chương 4 - về tam đoạn luận; chương 5 - về sai lầm, không phải sự thật và suy luận không đúng; và chương 6 - về phương pháp.

1. Trong logic học của mình, trước hết Hobbes coi định nghĩa khái niệm có ý nghĩa lớn. Bởi theo ông, danh từ/khái niệm thực chất được thiết lập một cách tùy tiện theo thỏa thuận của mọi người để chỉ các sự vật, để thông báo cho nhau những biểu tượng về chúng, do đó, cần thiết lập danh từ/tên một cách vững chắc. Và để làm được điều này, theo Hobbes, cần đến thao tác định nghĩa khái niệm.

Hobbes cho rằng, các quá trình cơ bản của tư duy là so sánh, liên kết và phân chia các tư tưởng/danh từ. Phán đoán, theo Hobbes, là sự kết hợp các tên mà trong đó tên/danh từ thứ nhất và thứ hai thực chất là tên gọi của cùng một sự vật. Trong phán đoán sự vật thể hiện các phẩm chất của mình. Nếu chúng ta không thể kết hợp các tên/danh từ vào trong một câu, thì chúng ta không thể nhận thức được các thuộc tính của sự vật.

Theo Hobbes, chân lý không phải là thuộc tính của các sự vật; chân lý và giả dối chỉ ở trong ngôn ngữ. Chân lý còn chưa có ở các tên/danh từ, khi chúng còn riêng rẽ, tách rời nhau. Chỉ khi các tên/danh từ được liên kết trong câu thì mới xuất hiện phán đoán, mà một trong các tính chất của nó là chân thực hay giả dối. Ông đưa ra ví dụ, nếu chúng ta có phán đoán: "Nếu ai đó là người, thì anh ta là thực thể sống", thì nó là phán đoán chân thực, bởi vì trong đó đối tượng có tên "con người" còn được cho một cái tên khác có ngoại diên rộng hơn

(*) PGS. TS., Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

- "thực thể sống". Các tên có thể có ngoại diên lớn hoặc nhỏ tương ứng với vùng đối tượng rộng hay hẹp. Các giống và loài chỉ có quan hệ với các tên/danh từ, chỉ có các tên mới có thể là chung, và, do đó, chúng có thể vốn có tính chung lớn hơn hay nhỏ hơn. Giống và loài - thực chất là các tên/danh từ, theo Hobbes, không có ý nghĩa nhận thức mà Plato và Aristotle gán cho: trong đó không có bản chất của sự vật. Ở đây Hobbes theo các nhà khắc kỷ cổ đại, ông đồng ý với họ về sự phê phán đối với Plato và Aristotle.

Trong logic học của Hobbes cũng như trong logic học của các nhà khắc kỷ, các phán đoán điều kiện được chú ý trước tiên. Bởi vì nhiệm vụ cơ bản của nhận thức khoa học là nhận thức mối liên hệ nhân quả, nên các phán đoán điều kiện được thừa nhận là hình thức logic thích dụng nhất cho mục đích đó. Về vấn đề này Hobbes viết rằng các nhà khoa học "có thể suy luận một cách đáng tin cậy hơn nhờ các câu giả định hơn là nhờ các câu nhất quyết" (Томас Гоббс, 1926, tr.30). Cũng giống như các nhà khắc kỷ, Hobbes thừa nhận mối liên hệ chặt chẽ, không tách rời giữa tư duy và ngôn ngữ, hệ quả là ông đồng nhất tên/danh từ với khái niệm, câu với phán đoán.

Logic học của Hobbes bao gồm các cụm vấn đề về tên/danh từ (khái niệm, tư tưởng), về câu (phán đoán), về suy luận (tam đoạn luận), về chân lý và giả dối và về phương pháp khoa học.

Trong cơ sở của logic học Hobbes cũng như của các nhà khắc kỷ cổ đại và các nhà logic học thuộc trường phái Epicure có lý thuyết ký hiệu. Theo lý thuyết này, ký hiệu có thể là tự nhiên (ví dụ, mây đen là ký hiệu trận mưa sắp tới) và ký hiệu nhân tạo - do con người sáng tạo ra. Các ký hiệu nhân tạo có thể là từ ngữ trong ngôn ngữ của con người. Đối với Hobbes, các ký hiệu của trí tuệ con người thực chất không phải là cái gì khác, mà là các danh từ/tên. Giống như Démocrite thời kỳ cổ đại logic học là một phần của vật lý học, Hobbes đưa logic học vào "Học thuyết về vật thể" với tư cách là phần đầu của nó.

Quy luật đồng nhất của logic học ở Hobbes thể hiện với tư cách là điều kiện của tính chính xác khoa học dưới dạng đòi hỏi, để sao cho trong lập luận mỗi một từ luôn được sử dụng theo một nghĩa xác định. Hobbes coi việc tuân thủ đòi hỏi này là điều kiện tiên quyết để đạt được chân lý.

Quy luật mâu thuẫn và quy luật loại trừ cái thứ ba Hobbes thừa nhận là các tiên đề tự nó hiển nhiên. Những quy luật này của tư duy, theo ông, nói về tính không tương thích của các tên/danh từ khẳng định và phủ định, rằng chúng loại trừ nhau và từ mỗi cặp tên/danh từ như vậy một khái niệm/danh từ luôn luôn được áp dụng với bất kỳ vật nào.

Hobbes phê phán cách thể hiện bản thể luận của quy luật mâu thuẫn, vì ông cho rằng khi nói cùng một vật không thể đồng thời có và không có: tất cả những gì có, tồn tại hoặc là không tồn tại, là đề cập đến một đối tượng quá rộng. Quy luật mâu thuẫn và quy luật loại trừ cái thứ ba ở Hobbes thể hiện như là những điều kiện cần cơ bản của suy luận logic. Chúng chỉ ra rằng: không nên cộng (liên kết bởi từ "là") các tên/danh từ khẳng định và phủ định có cùng nội dung như nhau (ví dụ: trắng và không trắng). Như vậy, các quy luật mâu thuẫn và loại trừ cái thứ ba là các

quy luật thành lập các câu (phán đoán) đúng từ các danh từ (khái niệm).

2. Trong học thuyết về danh từ, Hobbes đưa ra một số sự phân loại danh từ theo những cơ sở khác nhau của sự phân chia.

Theo cái được gọi tên/danh từ, Hobbes chia danh từ ra thành tên gọi vật thể (ví dụ, con người), tên gọi thuộc tính, có nghĩa là các tính chất của vật thể (ví dụ, vận động, tính có lý tính và nói chung tất cả những cái trừu tượng), tên gọi hiện tượng (ví dụ, phẩm chất cảm tính, mà trước hết là về không gian - thời gian) và, cuối cùng, tên gọi của chính các danh từ (tên gọi bậc hai khi ta nói về tên như bản thân nó).

Hobbes nói rằng tồn tại bốn loại sự vật (rerum notinatarum): vật thể (corpora); các thuộc tính (accidentia); hiện tượng (phantasmata) và các tên (nominaipsa). Đó là cái có thể gọi là học thuyết Hobbes về các phạm trù (về các lớp rộng nhất của mọi tồn tại).

Theo chất, Hobbes chia danh từ ra thành khẳng định và phủ định (ví dụ, trắng và không trắng). Sau đó Hobbes chia danh từ theo trình độ tính chung. Tên/danh từ có thể chỉ một đối tượng duy nhất, hoặc nói về một lớp các sự vật giống nhau, hơn nữa, các lớp này có thể có bề rộng nhiều hay ít khác nhau. Các giống và loài thực chất chỉ là các tên/danh từ chung có ngoại diên rộng nhất định. Các danh từ rộng nhất về ngoại diên, như: "vật thể", "thuộc tính", "hiện tượng", "tên". Còn các phạm trù - các khái niệm có ngoại diên rộng nhất trong logic học được Hobbes coi đơn giản chỉ là các tên của tên. Các từ "mỗi một", "tất cả", "một vài",v.v... Hobbes coi không phải là các danh từ, mà chỉ là một bộ phận của chúng, và phụ thuộc vào bộ phận nào có trong một tên nào đó mà ông chia danh từ ra thành đơn nhất, bộ phận và phổ quát.

Hobbes còn chia danh từ ra thành đơn nghĩa (một nghĩa) và đa nghĩa (cùng âm khác nghĩa); thành cụ thể-trừu tượng; thành tuyệt đối-tương đối. (Khi đưa ra sự phân loại này, ông nhấn mạnh rằng trong toàn bộ sự chia này có sự khác biệt không phải của các sự vật, mà các tên); thành đơn giản-phức tạp. Ông nói, thuật ngữ "tên" có ý nghĩa khác nhau về mặt ngữ pháp và về mặt logic (giống như từ "parabol" có nghĩa khác nhau trong toán học và tu từ học). Trong ngữ pháp học mỗi một tên thể hiện là một từ, trong khi đó trong logic học một cái tên thống nhất có thể được thể hiện bởi nhiều từ cùng chỉ một sự vật. Trong logic học danh từ phức được hình thành từ tổng thể các tên đơn giản.

Ngoài ra, Hobbes còn chia danh từ ra thành loại thứ nhất là tên sự vật (con người, hòn đá…), và loại thứ hai là các tên của tên (giống, loài, câu, suy luận). Trong trí tuệ con người, các danh từ thuộc loại thứ nhất xuất hiện trước và sau đó là các danh từ thuộc loại thứ hai.

Trong logic học của mình, Hobbes dành sự chú ý đáng kể cho vấn đề định nghĩa. Khi chỉ ra rằng, định nghĩa loại bỏ tính hai nghĩa, ông viết: "Thực chất của định nghĩa là ở sự phân ranh-hạn chế, có nghĩa là định vị ý nghĩa của các tên/danh từ xác định, trong sự tách biệt nó với tất cả các ý nghĩa khác ngoài ý nghĩa có trong định nghĩa đã cho" (Томас Гоббс, 1926, tr.60). Hobbes đưa ra định nghĩa về định nghĩa như sau: "Định nghĩa là phán đoán, mà vị từ của nó phân chia chủ từ ra thành các thành phần khi điều đó có thể, và giải thích

nó, khi điều này không thể" (Томас Гоббс, 1926, tr.59). Cách hiểu định nghĩa của Hobbes về cơ bản là đúng (tuy cách diễn đạt có nét riêng), nhưng không khỏi có những mâu thuẫn. Mâu thuẫn thể hiện ở chỗ, một mặt, định nghĩa không phải là cái gì khác, mà là sự giải thích tên/danh từ. Về phương diện này, ông hiểu định nghĩa là định nghĩa danh. Và do đó ông bỏ sót các định nghĩa mà chúng chỉ ra giống gần nhất và sự khác biệt loài. Định nghĩa thuộc loại đó, theo Hobbes, tuyệt đối không vạch ra bản chất của sự vật có tên cần định nghĩa, mà chỉ là sự giải thích một tên/danh từ nào đó. Hơn nữa, Hobbes đòi hỏi không chỉ định nghĩa danh, mà cả định nghĩa thực khi nói rằng: "tất cả những gì có nguyên nhân và được tạo ra, cần phải được xác định bằng phương tiện của nguyên nhân này và của phương pháp xuất hiện chúng" (Томас Гоббс, 1926, tr.58-59).

Hobbes là người đầu tiên đưa vào logic học loại định nghĩa căn nguyên mà nó đã có trước đó trong hình học. Ví dụ, định nghĩa hình tròn là hình được tạo ra trên mặt phẳng nhờ quay bán kính xung quanh tâm. Ông sử dụng cả loại định nghĩa bằng con đường liệt kê các bộ phận mà từ chúng tạo nên sự vật. Học thuyết Hobbes về định nghĩa gặp phải một khó khăn khó khắc phục. Một mặt, theo Hobbes, định nghĩa hoàn toàn tùy tiện và không chịu sự chứng minh nào. Mặt khác, mỗi một định nghĩa là một câu (phán đoán) như là cộng các danh từ/tên và nó chân thực hoặc giả dối. Nhưng nếu nó hoàn toàn tùy tiện, thì không thể nói về tính chân thực hay giả dối của nó. Mâu thuẫn này xuất hiện từ quan điểm duy danh cực đoan của Hobbes - quan điểm đó đồng nhất tên với khái niệm. Vì rằng tên cũng giống như từ có thể rất khác nhau, có thể thay đổi và được sáng tạo theo ý chí của con người. Điều này thường xảy ra khi các nhà văn sáng tạo ra từ hay các nhà bác học sáng tạo ra hệ thuật ngữ khoa học, trong khi đó thì chính những khái niệm là sự phản ánh của sự vật trong hiện thực khách quan.

Hobbes nói đến việc chia logic các khái niệm khi ông xem xét các "sơ đồ phạm trù". Ông dẫn ra các ví dụ đối với việc chia đôi theo quan điểm Plato trong vấn đề chia khái niệm, nhưng ông cũng chỉ ra rằng không nhất thiết lúc nào cũng phải phân đôi. Dù sự phân đôi có thể đưa đến các mặt đối lập loại trừ nhau trong một trường hợp chia logic bất kỳ, nhưng không ít trường hợp sự chia như vậy có tính nhân tạo. Ví dụ, sơ đồ phạm trù các mối quan hệ thích dụng với phép chia ba hơn là phân đôi. Hobbes cho rằng, trong các sơ đồ phạm trù cần nhận thấy không phải sự khác biệt của các sự vật, mà chỉ là sự khác biệt của các danh từ.

3. Về học thuyết phán đoán, Hobbes trước hết nhận xét rằng sự kết hợp các từ có thể thành câu hỏi, nguyện vọng, đòi hỏi, lời hứa, sự đe dọa, mệnh lệnh, sự phàn nàn hay sự thể hiện những tâm trạng khác nhau. Cái được nói tới có thể phi lý, không có nghĩa gì. Nhưng trong khoa học, người ta thừa nhận chỉ một loại kết hợp danh từ - đó chính là sự kết hợp được gọi là câu (mệnh đề, khẳng định, phán đoán). Câu là sự thể hiện bằng lời được tạo nên từ hai danh từ gắn với nhau bởi hệ từ, hơn nữa bằng phương tiện của sự kết hợp hai danh từ này, người nói muốn thể hiện rằng anh ta hiểu danh từ thứ hai là danh từ biểu

thị tên của chính sự vật - mà sự vật đó được biểu thị bởi danh từ đầu.

Từ định nghĩa bổ sung của Hobbes cho câu (phán đoán) ta thấy rằng, để cho câu đúng, cần tuân thủ hai điều kiện: 1) chủ từ và vị từ của phán đoán phải cùng là các tên của một sự vật; 2) chủ từ cần phải nằm trong vị từ. Còn về cấu trúc của phán đoán, Hobbes cho rằng nó có ba thành phần: chủ từ, vị từ và hệ từ "là". Theo Hobbes, bất kỳ câu (phán đoán) nào cũng là khẳng định, sự khác biệt giữa phán đoán khẳng định và phủ định ông hiểu như là sự khác biệt trong tên của vị từ - phụ thuộc vào tên này là khẳng định hay phủ định. Ví dụ, phán đoán "Con người không phải hòn đá", theo Hobbes, cần được hiểu như là "Con người *là* không phải hòn đá" mà không phải là "Con người không *là* hòn đá".

Hobbes đưa ra một số cách phân loại câu như sau. Về chất, ông chia chúng ra thành khẳng định và phủ định, phụ thuộc vào vị từ là tên khẳng định hay tên phủ định. Về lượng, ông chia phán đoán ra thành phổ quát (chung), bộ phận, không xác định (tức là không chỉ ra lượng một cách cụ thể) và đơn nhất. Cách chia thứ ba dựa vào giá trị chân lý: chân thực hay giả dối (phụ thuộc vào chủ từ và vị từ có quan hệ với cùng một sự vật hay không, và chủ từ có chứa vị từ hay không). Tiếp theo, Hobbes chia phán đoán ra thành khởi nguyên và không khởi nguyên, các phán đoán gọi là khởi nguyên nếu chúng được con người xây dựng một cách tùy tiện và là các nguyên tắc của chứng minh, nhưng tự chúng không được chứng minh. Còn các phán đoán không khởi nguyên là các phán đoán được rút ra như những hệ quả, cần phải chứng minh.

Hobbes còn chia phán đoán ra thành các chân lý tất yếu (chân lý vĩnh cửu) và chân lý ngẫu nhiên (chỉ chân thực trong một thời gian nhất định, nhưng giả dối trong thời gian khác). Ngoài ra, Hobbes còn chia phán đoán ra thành phán đoán giả thuyết (điều kiện) và phán đoán nhất quyết. Phán đoán điều kiện thể hiện các mối liên hệ tất yếu, còn phán đoán nhất quyết thể hiện các mối liên hệ tất yếu và cả ngẫu nhiên, tạm thời. Vì vậy bất kỳ phán đoán điều kiện nào cũng có thể được thể hiện cả dưới hình thức phán đoán nhất quyết, nhưng không phải mọi phán đoán nhất quyết đều có thể được chuyển thành phán đoán điều kiện.

4. Trong lý thuyết suy luận, Hobbes thừa nhận tam đoạn luận là loại suy luận chính trong khoa học. Tam đoạn luận được ông định nghĩa như là một lập luận được hình thành từ ba câu, câu cuối cùng trong chúng được rút ra từ hai câu đầu. Hobbes cũng theo Aristotle, trình bày các quy tắc của tam đoạn luận nhất quyết. Đi theo Aristotle, ông phân biệt ba dạng hình tam đoạn luận nhất quyết. Còn các modus của dạng hình thứ tư, ông coi là các modus bổ sung cho dạng hình thứ nhất, như các nhà "Tiêu dao" đã nói. Nhưng song song với điều đó, Hobbes còn có một cách hiểu khác về tam đoạn luận theo tinh thần của logic toán được phát triển sau đó.

Hobbes thể hiện quan điểm rằng, toàn bộ tư duy nói chung có thể được xem như phép toán đối với các danh từ, như là phép cộng và trừ chúng. Trước hết, theo Hobbes, phép cộng và trừ là sự hình thành các danh từ phức từ các danh từ đơn. Ví dụ, lần lượt bổ sung thêm vào danh từ đơn "vật thể" các danh từ "có linh hồn" và sau đó là "có lý

tính", chúng ta nhận được các danh từ phức "động vật" và "con người". Bằng cách đó, biểu tượng về "con người" là phép cộng của các biểu tượng trước. Nhưng chúng ta có thể thực hiện thao tác phép trừ, từ danh từ phức ta nhận được danh từ ít phức hơn và cuối cùng là danh từ đơn. Ví dụ, chúng ta có danh từ "hình vuông", đầu tiên chúng ta có thể "trừ" đi dấu hiệu "sự bằng nhau của các cạnh", và khi đó ta nhận được "hình chữ nhật", sau đó "trừ" tiếp dấu hiệu "góc vuông" ta nhận được "hình bình hành"... tiếp tục phép trừ... cuối cùng ta nhận được "hình hình học". Bằng các ví dụ, Hobbes đã chỉ ra rằng thao tác thu hẹp khái niệm có thể hiểu như phép cộng danh từ, còn mở rộng khái niệm thì ngược lại, như là phép trừ danh từ.

Tiếp theo, Hobbes cho rằng bất kỳ phán đoán nào cũng cần được xem như phép cộng hai danh từ (chủ từ và vị từ). Và để thể hiện tư tưởng này, ông kiến nghị phán đoán phủ định cần phải được hiểu như là phép cộng một danh từ nào đó với một danh từ phủ định khác, và "phủ định" ông không đưa vào hệ từ "là", mà đưa vào danh từ thứ hai. Và cuối cùng, tam đoạn luận được Hobbes phân tích như là phép cộng hai câu có một danh từ chung (logic truyền thống gọi là thuật ngữ giữa). Và suy cho cùng, theo Hobbes, bất kỳ phán đoán nào cũng là phép cộng hai danh từ, bất kỳ tam đoạn luận nào cũng là phép cộng ba danh từ.

Nếu như trong hiện thực khách quan diễn ra sự liên kết và phân chia các vật thể và vận động, thì trong khoa học chỉ có cộng và trừ danh từ. Quan điểm duy danh luận về hoạt động nhận thức và tư duy của con người theo Hobbes là như vậy.

5. Theo Hobbes, toàn bộ hoạt động tư duy được quy về các phép toán (cộng và trừ), nên để học lập luận một cách đúng đắn, thì việc nghiên cứu toán học phải được tiến hành trước việc nghiên cứu các quy tắc của logic học. Trong logic học, chân thực hay giả dối, theo Hobbes, có thể chỉ là sự liên kết các danh từ, có nghĩa là phụ thuộc vào thao tác cộng hay trừ các danh từ. Lỗi không thể ở cảm giác, vì cảm giác vốn có tính hiển nhiên, lỗi cũng không thể ở các biểu tượng, vì các biểu tượng là sự tái tạo trực tiếp các cảm giác, cho nên theo Hobbes, lỗi chỉ có thể ở các danh từ và ở trong phép cộng và trừ danh từ một cách tùy tiện.

Lý thuyết lỗi logic của Hobbes là độc đáo. Nó xuất phát từ sự thừa nhận bốn lớp danh từ. Tất cả các tên/danh từ là tên của hoặc là vật thể, hoặc là tên của thuộc tính, hoặc là tên của hiện tượng, hoặc là tên của tên. Chỉ có những câu mà trong đó có sự kết hợp hoặc hai tên sự vật, hoặc hai tên của thuộc tính, hoặc hai tên của hiện tượng, hoặc hai tên của tên là có thể chân thực. Bất kỳ sự kết hợp nào khác cũng là sai lầm. Ví dụ, những câu mà trong đó có sự kết hợp tên vật thể với tên thuộc tính, hoặc với tên của hiện tượng hay là với tên của tên sẽ là sai lầm. Ví dụ, câu: "Thị giác nhìn" - sai. Đó là một sự vô nghĩa, giống như "sự dạo chơi đi dạo". Câu "Vật thể là quảng tính" - sai, vì ở đây tên vật thể được kết hợp với tên thuộc tính.

Lỗi về logic, Hobbes hiểu không chỉ như là lỗi về hình thức, mà cả như là lỗi về thực chất. Trong tam đoạn luận ông phân biệt hai loại lỗi: lỗi có thể do phép cộng danh từ trong các câu là tiền đề, hoặc là do thao tác logic tiếp theo khi thực hiện phép cộng các tiền đề. Nếu các

tiền đề sai, thì tam đoạn luận sai về vật chất, nếu lỗi thuộc về các thao tác tư duy (trong phép cộng ba danh từ), thì tam đoạn luận sai về hình thức. Như vậy, theo Hobbes, lỗi logic gồm hai loại: loại thứ nhất theo vật chất của phán đoán - bắt nguồn từ việc thành lập không đúng phán đoán (khi không tuân thủ hai điều kiện: chủ từ và vị từ cần phải là tên của cùng một sự vật và chủ từ cần phải nằm trong ngoại diên của vị từ); và, thứ hai, đó là loại lỗi logic hình thức sinh ra do không tuân thủ các quy tắc của tam đoạn luận.

Trong số các loại lỗi logic hình thức, Hobbes đặc biệt chú ý đến loại lỗi gọi là "gấp bốn thuật ngữ" trong tam đoạn luận, khi ông chỉ ra vai trò của từ hai nghĩa trong việc xuất hiện các lỗi logic. Xem xét các ngụy biện thời cổ đại, Hobbes đi đến kết luận rằng chúng phần lớn là các lỗi không phải là hình thức, mà về vật chất.

6. Cũng giống như Bacon và Descartes, Hobbes đặt ra nhiệm vụ đầu tiên cho triết học của mình là sáng tạo ra phương pháp khoa học mới mà nhờ đó khoa học có thể tiến lên phía trước. Vì vậy phương pháp luận khoa học chiếm một vị trí quan trọng trong triết học của Hobbes. Nhưng trong vấn đề này, ông đi bằng con đường khác so với Bacon và Descartes. Nếu theo Descartes, các nguyên tắc của khoa học đạt được sự nhận thức trực tiếp bằng con đường trực giác của trí năng, còn theo Bacon chúng được thiết lập chỉ bằng con đường quy nạp, khái quát các sự kiện kinh nghiệm, thì Hobbes thể hiện với học thuyết về đặc điểm tùy tiện của các chân lý đầu tiên - đó là các nguyên tắc của khoa học. Trong lý luận nhận thức Hobbes là người theo "lý thuyết tùy tiện", vì theo ông, các nguyên tắc của khoa học được thiết lập hoàn toàn tùy tiện, chúng không hơn gì các định nghĩa.

Theo Hobbes, chỉ có định nghĩa là nguyên tắc của khoa học và là nền tảng của tất cả các phép chứng minh. Nhưng trong cách hiểu bản chất của định nghĩa, Hobbes vẫn gặp mâu thuẫn. Một mặt ông nói rằng định nghĩa phải tương ứng với sự vật xác định, mặt khác, định nghĩa thực chất là kết quả sự thỏa thuận tùy tiện của con người trong việc đặt tên sự vật. Và cuối cùng quan điểm chủ nghĩa duy vật máy móc lại phủ nhận khả năng tự do, tùy tiện của con người.

Khái niệm nguyên nhân là khái niệm trung tâm trong phương pháp luận của Hobbes. Theo ông, không có nguyên nhân nào khác trong thế giới ngoài vận động của các vật thể. Ông định nghĩa khái niệm nguyên nhân như sau: "Nguyên nhân là tổng, hay là tổ hợp tất cả các thuộc tính như là nhân tố hoạt động, và đưa khách thể vào hoạt động. Hoạt động có thể xuất hiện, nếu có tất cả các thuộc tính này, nếu như một trong chúng không đủ, thì hoạt động sẽ không có" (Томас Гоббс, 1926, tr.55).

Xét về bản chất, ở Hobbes phương pháp nghiên cứu về cơ bản là phương pháp phân tích, còn phương pháp chứng minh là phương pháp tổng hợp. Sức mạnh chứng minh nghiêm ngặt, theo Hobbes, thuộc về các suy luận diễn dịch từ các nguyên tắc chung. Ông định nghĩa chứng minh như sau: "Chứng minh là tam đoạn luận hoặc là dãy tam đoạn luận được xây dựng trên định nghĩa các danh từ và được đưa đến kết luận cuối cùng" (Томас Гоббс, 1926, tr. 61). Về phương pháp nghiên cứu khoa

học và phương pháp dạy học, ông nói rằng, chứng minh hay dạy học có nghĩa là đưa trí tuệ học sinh đi theo con đường mà sự nghiên cứu đã đi qua. Do vậy, phương pháp chứng minh, hay là phương pháp dạy học, theo Hobbes, về cơ bản là trùng với phương pháp nghiên cứu. Thế nhưng giữa chúng có một số sự khác biệt nhất định. Sự khác biệt căn bản là: trong chứng minh người ta vứt bỏ tất cả những cái tạo nên phần đầu của nghiên cứu khoa học, có nghĩa là bỏ qua các thao tác logic mà nhờ chúng chúng ta đi từ thông số cảm tính đến các nguyên tắc. Theo Hobbes, trong chứng minh người ta sử dụng phương pháp tổng hợp. Trong chứng minh luôn luôn cần xuất phát từ các phán đoán phổ quát, rút ra kết luận nhờ con đường diễn dịch - tam đoạn luận. Còn những phán đoán phổ quát, nhất là các nguyên tắc của khoa học, xét về bản chất không thể chứng minh chúng, mà chỉ có thể giải thích.

Các nguyên tắc của khoa học, theo Hobbes, chỉ có thể là các định nghĩa, các tiên đề và định đề cũng không phải là nguyên tắc, chúng thực chất chỉ là các nguyên tắc của sự kiến tạo, có nghĩa là các nguyên tắc của các vấn đề thực tiễn, mà không phải của tri thức.

Như vậy, chúng ta thấy rằng, về cơ bản các tư tưởng logic học của Thomas Hobbes có sự xuất phát từ Aristotle và những người khắc kỷ, nhưng được ông phát triển theo những quan điểm độc đáo của mình và đã có những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển tiếp theo của khoa học này; và ở đây không thể không nhận thấy vai trò của ông trong hình thành tư tưởng logic toán và một chuyên ngành mới của logic học có tên gọi là kí hiệu học (semiotika). Nói về ảnh hưởng của những tư tưởng logic học của Hobbes đến sự phát triển logic học giai đoạn tiếp sau, nhà logic học người Thụy Sĩ gốc Ba Lan I. Bochensky đã viết: "Văn bản này có ý nghĩa không chỉ về mặt lịch sử, vì nó có ảnh hưởng đến Leibniz, mà còn mang đặc điểm đặc trưng đối với các định hướng toán học mà trước Jevons đã quy định một hình thức mới của logic học trên một quy mô rộng" (П.С. Попов, 1960, tr.43) ❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Томас Гоббс (1926), *Избранные сочинения*, Государственое издательство.
2. П.С. Попов (1960), *История логики Нового Времени*, Uздательство МГУ.

(tiếp theo trang 40)

3. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), tập 4, "Bản dịch khắc năm chính hòa thứ 18" (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2009), *Quan niệm của Nho giáo về Con người, về giáo dục và đào tạo con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Đức Sự (2011), *Vị trí và vai trò của Nho giáo trong xã hội Việt Nam*, http://vanhoanghean.com.vn/goc-nhin-van-hoa3/nh%E1%BB%AFng-g%C3%B3c-nh%C3%ACn-v%C4
6. *Thập tam kinh chú sớ* (1996), *Phụ hiệu khám ký, Hạ sách*, Trung Hoa thư cục xuất bản, Bắc Kinh. %83n-h%C3%B3a/vi-tri-va-vai-tro-cua-nho-giao-trong-xa-hoi-viet-nam
7. Nguyễn Khắc Viện (1993), *Bàn về đạo Nho*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.